TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **03**/2019/DS-ST
Ngày 29/3/2019
"*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thế chấp tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hương**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Quang Thìn**
2. Ông **Nguyễn Thành Hạnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đào Thị Quỳnh Nga** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông **Tạ Văn Phú** - Kiểm sát viên.

Ngày 29/3/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2018/TLST-DS ngày 28/9/2018 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thế chấp tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/20198/QĐXXST-DS ngày 04/3/2019 và thông báo dời phiên tòa số 01/2019/TB-TA ngày 20/3/2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: Bà Lê Thị N, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số nhà 336, đường ĐT 741, ấp 2, xã T, thị xã Đ, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền anh Trịnh Đắc H, sinh năm 1985; Địa chỉ: Hẻm 282, ấp 2, xã T, thị xã Đ, tỉnh B (có mặt)

**Bị đơn*: Anh Nguyễn Đ (H), sinh năm 1982; Địa chỉ: Tiệm bánh M, đường ĐT 741, khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh B. (có mặt)

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Chị Võ Thị V, sinh năm 1971; Địa chỉ: Tiệm bánh M, đường ĐT 741, khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền là anh Trịnh Đắc Huynh trình bày:

Vào ngày 11/7/2017, bà Lê Thị N có cho anh Nguyễn Đ (H) vay số tiền là 80.000.000 đồng. Thỏa thuận là góp mỗi ngày là 600.000 đồng(trong đó có 350.000 đồng là tiền gốc và 250.000 đồng là tiền lãi) cho đến khi hết nợ. Việc vay mượn có làm giấy tờ viết tay nội dung vay tiền và thế chấp lò bánh mỳ mà anh Đ đang làm để ràng buộc các bên, giấy thế chấp lò bánh mỳ và mượn tiền có chị Võ Thị Chúc là em gái của chị Võ Thị V viết hộ giấy và ký tên làm chứng, chị V có biết việc vay mượn tiền nói trên.

Sau khi vay tiền nhưng anh Đ và chị V không trả tiền cho bà N mặc dù bà đã đòi nhiều lần. Trong quá trình giải quyết, bà N bổ sung yêu cầu buộc anh Đ và

chị V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền là 80.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi của số tiền trên tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước từ khi vay cho đến ngày 29/3/2019 là 12.360.000 đồng. Đồng thời, bà N yêu cầu anh Đ, chị V phải trả cho bà chi phí giám định chữ ký là 4.000.000 đồng.

Bà N khẳng định không thế chấp tài sản là lò bánh mỳ mà khi ghi giấy vay tiền các bên thống nhất ghi ghi vậy để làm tin. Do vậy bà N không có yêu cầu giải quyết việc xem xét, xử lý tài sản thế chấp.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Đ trình bày:

Anh Đ còn có tên thường gọi là H. Anh là chỗ quen biết với bà Lê Thị N, còn chị Võ Thị V là người sống chung như vợ chồng với anh Đ từ năm 2016 cho đến nay; chị Võ Thị Chúc là em gái của chị V.

Anh Đ thừa nhận năm 2017 do cần tiền vốn để sản xuất bánh mỳ nên anh Đ và chị Võ Thị V có vay của bà N nhiều lần với tổng số tiền 60.000.000 đồng, cụ thể:

Lần 1 vào ngày 03/01/2017, anh Đ và chị V có vay của bà N số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/01 ngày/01 triệu. Việc vay mượn có làm giấy tờ viết tay do bà N giữ;

Lần 2 vào ngày 02/02/2017, anh Đ có vay của bà N số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/01 ngày/01 triệu. Việc vay mượn có làm giấy tờ viết tay do bà N giữ;

Lần 3 (không nhớ ngày tháng), anh Đ vay thêm số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/01 ngày/01 triệu. Việc vay mượn có làm giấy tờ viết tay do bà N giữ;

Lần 4 (không nhớ ngày tháng), anh Đ, chị V vay thêm số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/01 ngày/01 triệu. Việc vay mượn có làm giấy tờ viết tay do bà N giữ;

Việc vay mượn diễn ra tại nhà bà N, khi vay tiền có chị V và anh Đ cùng đứng ra vay và nhận tiền.

Từ khi vay, anh Đ đều trả tiền lãi đầy đủ cho đến ngày 30/12/2017 âm lịch do không đủ khả năng trả tiền lãi nữa nên anh Đ có nói với bà N là không trả tiền lãi nữa và chỉ trả tiền gốc thì bà N không đồng ý.

Anh Đ thừa nhận chữ viết và chữ ký người làm chứng trong trong giấy thế chấp lò mượn tiền đề ngày 11/7/2017 do chị Võ Thị Chúc là em vợ của anh Đ viết và ký. Nhưng lại không thừa nhận chữ ký "Đ" dưới mục người vay là chữ ký của mình. Số tiền 80.000.000 đồng ghi trong giấy là do bà N tính thêm 20.000.000 đồng tiền lãi.

Anh Đ khẳng định chỉ vay của bà N số tiền gốc là 60.000.000 đồng. Số tiền này anh Đ đã trả góp từ ngày 09/01/2018 âm lịch cho đến ngày 09/5/2018 âm lịch mỗi ngày góp 500.000 đồng (trừ ngày chủ nhật), tổng số tiền đã trả cho bà N được 48.000.000 đồng, hiện tại chỉ còn nợ lại 12.000.000 đồng.

Anh Đ cho rằng không có việc thế chấp lò bánh mỳ để đảm bảo khoản vay nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Đ trình bày không nhớ các lần vay tiền của bà N và không nhớ đã trả cho bà N bao nhiêu tiền lãi. Anh thừa nhận chỉ vay của bà N số tiền 60.000.000 đồng, đã trả được 48.000.000 đồng và còn nợ lại 12.000.000 đồng.

Nay, bà N yêu cầu anh Đ, chị V pH trả cho bà N số tiền gốc đã vay là 80.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất Ngân hàng nhà nước tính từ thời điểm vay cho đến khi giải quyết xong vụ án thì anh Đ không đồng ý trả.

Đối với số tiền lãi trước đây đã trả cho bà N, anh Đ không nhớ là đã trả bao nhiêu tiền nhưng anh Đ không yêu cầu xem xét.

Ngoài ra, anh Đ không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị V trình bày:

Chị V và anh Đ có quan hệ sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2016 cho đến nay, còn bà N là chỗ quen biết, chị Võ Thị Chúc là em ruột của chị V.

Chị V thừa nhận là vào năm 2017 chị và anh Đ có vay tiền của bà N nhiều lần với tổng số tiền vay là 60.000.000 đồng. Mục đích vay để trả tiền mua lò bánh mỳ và sản xuất bánh mỳ tại tiệm bánh mỳ V H. Việc vay mượn tiền anh chị cùng vay và cùng chịu trách nhiệm chung đối với khoản vay trên. Cụ thể:

Lần 1: Anh Đ vay của bà N số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền nói trên anh Đ đã trả hết cho bà N (không nhớ ngày vay và ngày trả)

Lần 2: Ngày 15/3/2017, chị V và anh Đ tiếp tục vay của bà N số tiền 10.000.000 đồng, nhận tiền tại nhà bà N, không làm giấy tờ. Lãi suất thỏa thuận là 5000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày.

Lần 3: Ngày 22/3/2017, chị V và anh Đ tiếp tục vay của bà N số tiền 15.000.000 đồng, chị V và anh Đ nhận tiền tại nhà bà N, không làm giấy tờ. Lãi suất thỏa thuận là 5000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày.

Lần 4: Ngày 21/4/2017, chị V và anh Đ tiếp tục vay của bà N số tiền 10.000.000 đồng, chị V và anh Đ nhận tiền tại nhà bà N, không làm giấy tờ. Lãi suất thỏa thuận là 5000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày.

Lần 5: Ngày 27/4/2017, chị V và anh Đ tiếp tục vay của bà N số tiền 10.000.000 đồng, chị V và anh Đ nhận tiền tại nhà bà N, không làm giấy tờ. Lãi suất thỏa thuận là 5000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày.

Lần 6: Ngày 01/6/2017, chị V và anh Đ tiếp tục vay của bà N số tiền 10.000.000 đồng, chị V và anh Đ nhận tiền tại nhà bà N, không làm giấy tờ. Lãi suất thỏa thuận là 5000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày.

Chị V và anh Đ chỉ vay của bà N 50.000.000 đồng và sau này bà N có cộng vào 10.000.000 đồng tiền lãi. Chị V và anh Đ còn nợ bà N với tổng số tiền gốc là 60.000.000 đồng.

Sau ngày 01/6/2017, chị V và anh Đ không vay tiền của bà N mà chỉ trả lãi của số tiền đã vay. Chị V và anh Đ đã trả tiền lãi cho bà N mỗi ngày 3.000đồng/01 triệu. Tiền gốc trả từ ngày 09/01/2018 đến ngày 09/5/2018 chị V và anh Đ trả đều đặn mỗi ngày là 500.000đồng, tổng cộng chị V và anh Đ đã trả cho bà N 48.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền còn nợ lại là 12.000.000 đồng. Việc trả nợ không làm giấy tờ gì. Chị V không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà N.

Chị V thừa nhận là chữ viết trong giấy thế chấp lò bánh mỳ vay tiền đề ngày 11/7/2017 là do chị Võ Thị Chúc em gái của chị V viết và ký làm chứng, còn chữ ký Đ thì chị V không biết có phải là chữ của anh Đ không.

Về việc trả tiền lãi trước đây chị V không nhớ là đã trả bao nhiêu và chị V không yêu cầu xem xét lại.

Đối với việc thế chấp tài sản là lò bành mỳ, chị V cho rằng không có việc thế chấp lò bánh mỳ để đảm bảo khoản vay nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra, chị V không có yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự buộc anh Đ và chị V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N số tiền 80.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất của ngân hàng nhà nước

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

-Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Lê Thị N yêu cầu anh Nguyễn Đ (H) và chị Võ Thị V pH có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà N số tiền gốc đã vay là 80.000.000 đồng và tiền lãi là 12.360.000đồng, tổng cộng là 92.360.000đồng. Vì vậy, đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là anh Nguyễn Đ cư trú tại số nhà 56, đường ĐT 741, khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh B. Căn cứ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

-Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo dời phiên tòa cho nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định.

-Yêu cầu của đương sự:

[1] Bà Lê Thị N yêu cầu buộc anh Nguyễn Đ (H) và chị Võ Thị V phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà N số tiền gốc đã vay là 80.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất của ngân hàng nhà nước Việt Nam (từ ngày 11/7/2017 đến ngày 29/3/2019) là 12.360.000đồng. Tổng số tiền bà N yêu cầu anh Đ và chị V phải có trách nhiệm trả là 92.360.000 đồng. Yêu cầu này được bà N và người đại diện theo ủy quyền của bà N chứng minh bằng giấy thế chấp lò mượn tiền đề ngày 11/7/2017 có sự ký nhận của người vay là anh Nguyễn Đ và người làm chứng là chị Võ Thị Chúc.

Xét yêu của bà N là có căn cứ cần được chấp nhận bởi lẽ trước đây và tại phiên tòa, anh Đ và chị V cũng thừa nhận là trong năm 2017 có vay tiền của bà N, mục đích trả tiền mua lò bánh và sản xuất bánh mỳ phát triển kinh tế gia đình; thừa nhận chữ viết trong giấy thế chấp lò bánh mỳ vay tiền là chữ viết của chị Võ Thị Chúc là em gái của chị V (em vợ của anh Đ). Như vậy, sự việc vay mượn tiền giữa anh Đ, chị V với bà N là có thật được các bên thừa nhận nên không phải chứng minh.

Anh Đ, chị V thừa nhận có vay của bà N nhiều lần với tổng số tiền là 60.000.000 đồng và đã trả được 48.000.000 đồng tiền gốc, không thừa nhận có vay số tiền là 80.000.000 đồng như bà N trình bày và cũng không đồng ý trả theo yêu cầu của bà N. Tuy nhiên, anh Đ và chị V không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho khoản vay cũng như việc đã trả nợ cho bà N. Mặt khác, anh Đ cho rằng chữ ký "Đ" tại giấy thế chấp lò mượn tiền đề ngày 11/7/2017 không phải là chữ ký của anh Đ nhưng tại kết luận giám định của Phân viện khoa học hình sự của Bộ Công an số 364/C09B ngày 27/12/2018 kết luận: "…*Chữ ký mang tên Nguyễn Đ trên 03 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 đến M4 là do cùng một người ký ra*". Anh Đ, chị V, bà N cũng đều thừa nhận giấy thế chấp lò bánh mỳ mượn tiền là do chị Võ Thị Chúc (em gái của chị V) viết và ký tên làm chứng. lời trình bày của anh Đ, chị V không thống nhất và có nhiều mâu thuẫn về thời gian vay tiền cũng như việc làm giấy vay mượn tiền. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định giữa bà N, anh Đ có phát sinh giao dịch dân sự vay mượn tiền mà cụ thể là anh Đ, chị V có vay của bà N số tiền 80.000.000 đồng và hiện tại chưa trả. Do đó cần áp dụng các điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc anh Đ và chị V pH có trách nhiệm trả cho bà N số tiền gốc còn nợ là 80.000.000 đồng;

Tuy nhiên, do anh Đ và chị V chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên không thể buộc anh Đ và chị V phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ mà cần buộc anh Đ, chị V mỗi người pH có nghĩa vụ trả cho bà N ½ số tiền còn nợ, cụ thể: Anh Nguyễn Đ có trách nhiệm trả số tiền 40.000.000 đồng và chị Võ Thị V có trách nhiệm trả số tiền 40.000.000 đồng.

[2] Về tiền lãi: Tại giấy thế chấp lò mượn tiền ngày 11/7/2017, có ghi rõ lãi theo thỏa thuận. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N trình bày tại thời điểm vay các bên có thỏa thuận tiền lãi là 350.000 đồng/ngày. Trong quá trình làm việc, bà N yêu cầu anh Đ và chị V phải trả tiền lãi theo lãi suất của Ngân hàng nhà nước tính từ ngày 11/7/2017 đến ngày 29/3/2019. Xét yêu cầu của bà Lê Thị N yêu cầu anh Nguyễn Đ và chị Võ Thị V phải có nghĩa vụ trả tiền lãi đối với khoản nợ theo lãi suất của Ngân hàng Nhà nước là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố là 9%/năm – Tương ứng 0,75%/tháng nên được chấp nhận. Do đó, cần buộc anh Đ và chị V có nghĩa vụ trả tiền lãi đối với số tiền 80.000.000 đồng cho bà N tính từ ngày 11/7/2017 đến ngày 29/3/2019 (20 tháng 18 ngày) theo lãi suất của ngân hàng nhà nước là 12.360.000 đồng tiền lãi, như vậy anh Đ có nghĩa vụ trả tiền lãi là 6.180.000 đồng và chị V có nghĩa vụ trả tiền lãi là 6.180.000 đồng tiền lãi.

Tổng số tiền gốc và lãi mà anh Nguyễn Đ phải trả cho bà N là 46.180.000 đồng, chị V phải trả là 46.180.000 đồng.

Đối với số tiền lãi suất anh Đ, chị V cho rằng trước đây đã trả trả hàng tháng cho bà N (không nhớ được là đã trả bao nhiêu tiền và thời gian trả). Anh Đ, chị V không có yêu cầu giải quyết lại số tiền lãi này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với hợp đồng thế chấp tài sản là lò bánh mỳ do các bên đương sự khẳng định là chỉ viết như vậy để làm tin và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về chi phí giám định chữ ký là 4.000.000 đồng. Do kết quả giám định chữ ký là chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của bà N. Mặt khác, do bà N đã đóng tạm ứng chi phí giám định đồng thời yêu cầu của bà N được Hội đồng xét xử chấp nhận nên cần tại áp dụng Điều 103,161 Bộ luật tố tụng dân sự buộc anh Nguyễn Đ và chị Võ Thị V phải hoàn trả lại cho bà Lê Thị N số tiền là 4.000.000 đồng.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Lê Thị N được Hội đồng xét xử chấp nhận nên anh Nguyễn Đ, chị Võ Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 103, Điều 147, Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N. Buộc anh Nguyễn Đ và chị Võ Thị V phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị N tổng số tiền cả gốc và lãi là 92.360.000 đồng (trong đó tiền gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi là 12.360.000 đồng); Cụ thể: anh Nguyễn Đ phải trả số tiền là 46.180.000 đồng, chị Võ Thị V pH trả số tiền là 46.180.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Đ và chị Võ Thị V phải hoàn trả cho bà Lê Thị N số tiền chi phí giám định là 4.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Đ và chị Võ Thị V phải chịu 4.618.000 đồng, cụ thể anh Đ và chị V mỗi người phải chịu 2.309.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Lê Thị N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.250.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024968, quyển số 0004500 ngày 28/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Bản án (Quyết định) này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Đồng Phú;*
- *THADS huyện Đồn g Phú;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu;*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương